

Một số nội dung nghiên cứu về văn hóa Óc Eo từ nguồn tư liệu tại Thư viện Khoa học xã hội

Phạm Thu Trang^(*)

Tóm tắt: Văn hóa Óc Eo là một nền văn hóa khảo cổ có trình độ phát triển cao, phân bố trên một không gian rộng lớn của toàn vùng Nam bộ. Đây là nền văn hóa gắn liền với lịch sử của vương quốc Phù Nam, một bộ phận cấu thành lịch sử dân tộc Việt Nam. Di tích Óc Eo - Ba Thê được nhiều nhà khoa học khẳng định là một cảng thị quan trọng, có mối quan hệ rộng rãi với nhiều quốc gia. Qua khảo sát nguồn tư liệu quý tại Thư viện Khoa học xã hội, Viện Thông tin Khoa học xã hội (thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam), đặc biệt là các tài liệu do Viện Viễn Đông Bác cổ (Ecole française d'Extrême Orient - EFEO) để lại, bài viết tập trung làm rõ các nội dung: Văn hóa Óc Eo trong vương quốc Phù Nam; Hoạt động kinh tế của cư dân Óc Eo; Vấn đề xã hội, con người, văn hóa, tôn giáo của Óc Eo.

Từ khóa: Văn hóa Óc Eo, Tây Nam bộ, Vương quốc Phù Nam, Thư viện Khoa học xã hội

Abstract: Oc Eo is a highly developed archaeological culture located in a large space of the Southern region. This culture is associated with the history of the Funan Kingdom, an integral part of Vietnamese history. Oc Eo - Ba Thê Relic has been affirmed by many scholars as an important city port, which used to have broad relations with many countries. Studying valuable documents, especially the EFEO's at the Social Sciences Library, Institute of Social Sciences Information (Vietnam Academy of Social Sciences), this article focuses on clarifying the following aspects: Oc Eo culture of the Funan Kingdom, economic activities of Oc Eo residents, as well as social, people, cultural and religious issues of Oc Eo culture.

Key words: Oc Eo Culture, The Southwest Region, Funan Kingdom, Library of Social Sciences

1. Văn hóa Óc Eo trong vương quốc Phù Nam

Căn cứ vào nhiều nguồn tư liệu, đặc biệt là những kết quả khảo cổ học từ năm

1944 của Louis Malleret (1944: 75-88) đến nay cho thấy, văn hóa Óc Eo phân bố trên phạm vi rộng lớn thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long và tồn tại từ thế kỷ I cho đến thế kỷ IX. Nó có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với vương quốc Phù Nam, được đánh giá là “giữ vai trò trung tâm kinh tế văn hóa quan trọng và là trung tâm mật

^(*) TS. Triết học, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: thutrang84_triet@yahoo.com

dịch quốc tế lớn nhất của Phù Nam” (Phan Huy Lê, 2007: 10).

Căn cứ vào thư tịch cổ của Trung Quốc và nhiều nguồn tư liệu khác, đặc biệt là những thành tựu của ngành khảo cổ học, các nhà khoa học hiện nay đều thống nhất cho rằng vương quốc Phù Nam tồn tại từ thế kỷ I đến thế kỷ VII.

Quan niệm về nước Phù Nam với phạm vi lãnh thổ xác định rất khác nhau cũng đã là một vấn đề gây nhiều tranh luận. Trong kho tư liệu EFEO tại Thư viện Khoa học xã hội, có nhiều nghiên cứu của các học giả Pháp về vấn đề này.

E. Aymonier (1904: 366) cho rằng, Phù Nam là một từ gốc Khmer, là Prôm Pênh và lãnh thổ Phù Nam bao gồm Tchenla (Chân Lạp) mở rộng ra cả Việt Nam, Thái Lan và vùng lân cận.

P. Pelliot là người đầu tiên đã thu thập và trích dịch những tư liệu liên quan đến Phù Nam trong thư tịch cổ của Trung Hoa. Sau khi trích dịch và chú giải chi tiết các tư liệu thư tịch Trung Hoa kết hợp với các bia ký cổ, phê phán luận điểm của E. Aymonier khi đồng nhất Phù Nam với Tchenla (Chân Lạp), P. Pelliot chỉ rõ: Phù Nam và Chân Lạp là hai nước thuộc hai thời kỳ lịch sử khác nhau, chính Chân Lạp là một thuộc quốc của Phù Nam, đã xâm chiếm Phù Nam. Ông cho rằng có sự khác biệt về địa bàn cư trú, cư dân và ngôn ngữ giữa Phù Nam và Chân Lạp. Chân Lạp ở phía Bắc và Phù Nam ở phía Nam trên hạ lưu sông Mekong (P. Pelliot, 1903: 302-303). Thêm nữa, P. Pelliot cũng thể hiện nhận thức khá rõ nét và định vị cụ thể về vương quốc Phù Nam: “Vương quốc Phù Nam cách phía Tây Lâm Ấp hơn 3.000 dặm, nằm trong một vịnh lớn. Lãnh thổ trải dài 3.000 dặm. Có nhiều thành phố, cung điện và nhà ở của người dân” (P. Pelliot, 1903: 63). Với đặc điểm này, theo

tác giả Phan Huy Lê, “vương quốc Phù Nam trong thời gian này có lẽ chủ yếu vẫn trong phạm vi hạ lưu sông Mekong” (Phan Huy Lê, 2007: 8).

Về thời gian tồn tại của vương quốc Phù Nam, theo P. Pelliot: “Từ thế kỷ III đến thế kỷ VII, các văn bản Trung Quốc thường nói về Nhà nước Hindu này, đây dường như là một nơi không thể bỏ qua trên con đường nối giữa Ấn Độ và Trung Quốc. Vào thế kỷ VII, cái tên biến mất mà không có dấu vết” (P. Pelliot, 1903: 57-58).

G. Coedès, trong vài thập niên sau, cũng đã có những nghiên cứu về vùng đất này và đã được xuất bản thành sách, như: *Les civilisations de l'Indochine* (Các nền văn minh Đông Dương) (1938), *A New Inscription from Fu-Nan: Reprinted from Journal of the Greater India Society* (Một bia ký mới từ Phù Nam: In lại từ tạp chí xã hội Ấn Độ) (1937), *Quelques précisions sur la fin du Fou-nan* (Một vài nhận định về sự kết thúc của Phù Nam) (1943); *Histoire du Monde*, T. 8, *Les états Hindouisés d'Indochine et d'Indonésie* (Lịch sử thế giới, T. 8, Các nhà nước Hindu giáo ở Đông Dương và Indonesia) (1948)... G. Coedès cho rằng, Phù Nam là phiên âm theo phát âm đời Đường từ *b'iu-nâm* của tiếng Khmer cổ là *bnam*, nay là *phnom* có nghĩa là núi, vua Phù Nam là “vua núi” theo tiếng Phạn (Sanskrit) là *parvatabhupâla* hay *cailarâja* và tiếng Khmer là *kurung bnam*. Ông cho rằng, trung tâm của Phù Nam là hạ lưu sông Mekong, nhưng lãnh thổ bao gồm cả Nam Trung bộ, trung lưu sông Mekong và phần lớn lưu vực sông Ménam, bán đảo Mã Lai (G. Coedès, 1948: 68).

Bernard Philippe Groslier cho rằng, trung tâm của Phù Nam là vùng đất giữa Bassac và vịnh Thái Lan và có thể bao gồm cả miền Nam Cambodge, sau đó mở rộng

ảnh hưởng, thiết lập nền thống trị trên toàn vùng ven biển vịnh Thái Lan, có thể cả miền Nam Miến Điện (B.P. Groslier, 1961: 50).

Lịch sử khám phá và nghiên cứu văn hóa Óc Eo ở vùng đất Ba Thê - Óc Eo bắt đầu từ thế kỷ XIX. Qua thực tế khảo sát nguồn tư liệu của các nhà khoa học Pháp để lại và được lưu giữ tại Thư viện Khoa học xã hội, chúng tôi nhận thấy nghiên cứu về văn hóa Óc Eo một cách toàn diện từ phương diện khảo cổ học đã được Louis Malleret thể hiện khá đầy đủ trong bộ *Archéologie du delta du Mékong* (Khảo cổ học Đồng bằng sông Mekong) 4 tập, với các bản vẽ, hình ảnh và các nội dung mô tả chi tiết về mọi mặt đời sống của cư dân Óc Eo.

Về vị trí, trong các công trình của mình, Louis Malleret đã xác định khá chi tiết và cụ thể rằng Óc Eo nằm ở vị trí một tiền cảng, có đường lưu thông nội địa bị ngăn cách bởi những vùng bùn lầy ven biển. Vị trí của Óc Eo cũng theo nguyên tắc chung của đa số các cảng ở Viễn Đông và vịnh Thái Lan là có khoảng cách nhất định với bờ biển.

Tiếp đó, L. Malleret đã giới thiệu những kết quả khai quật và những nhận định mới nhất của mình về di tích Óc Eo. Theo ông, đây là di chỉ cư trú rất cổ, hình thành từ một tập hợp gò với những khối đá lớn che phủ, những viên gạch nằm rải rác và những dải địa hình thấp trũng, đôi khi thành đường thẳng có thể liên tưởng đến những kênh đào cổ. Phạm vi của di tích Óc Eo đã được xác định lại, có dạng hình chữ nhật, chiều dài 3km, chiều rộng 1,5km, tổng diện tích là 450 hecta. L. Malleret còn đánh giá di tích đô thị Óc Eo có tính chất như một Venice ở châu Á (*une manière de Venise asiatique*), một đô thị “lưỡng cư” trên nước (amphibie), dựng nhà trên cọc bằng vật liệu nhẹ, theo chiều dài của nhiều dòng chảy tự nhiên, nhân tạo, cùng với một số

kiến trúc đền đài bằng đá hoa cương và bằng gạch mà chỉ tìm thấy móng và tường nền dưới các gò đồng đồ nát.

Về kiến trúc đô thị Óc Eo, quan sát từ trên máy bay cho thấy, đô thị này nhìn cổ kính và có hình chữ nhật, có một đường trục kênh đào lớn chạy dài 15km về phía biển. Đối chiếu với các đô thị cổ ở Nam Đông Dương như Angkor Borei hoặc như Sambor Prei Kuk (thế kỷ VII về sau) vốn có bố cục không cân đối, không đều đặn, thì có thể thấy bố cục của đô thị Óc Eo rất khác, gắn liền với truyền thống thành thị cổ Ấn Độ mà tiêu biểu là các di tích thành thị từ Mohenjo-Daro cho đến Harrapa (L. Malleret, 1959: 201-202).

Còn về các giai đoạn phát triển của văn hóa Óc Eo, nếu phân chia thành các thời kỳ: giai đoạn văn hóa Óc Eo sớm (từ thế kỷ II TCN. đến thế kỷ III SCN.), giai đoạn văn hóa Óc Eo phát triển (từ thế kỷ IV đến đầu thế kỷ VII) thì từ thế kỷ VII trở đi, các nhà nghiên cứu cho rằng, đó là giai đoạn hậu Óc Eo (Đặng Văn Thắng, Hà Thị Thương, 2013: 53).

Sau L. Malleret, các học giả Marcel Piloz, G. Coedès, Paul Bahn tiếp tục nghiên cứu và có những đánh giá về di tích Óc Eo - một di chỉ nổi tiếng nhất vào thời sơ sử ở Đông Nam Á. Các ông đã xem xét vị trí của Óc Eo tại châu thổ sông Mekong miền Nam Việt Nam và mối quan hệ của nó với nước Phù Nam. Georger Coedès trong bài viết “Fouilles en Cochinchine, Le site de Go Oc Eo, ancien port du Royaume de Founan” (Những cuộc khai quật ở Nam kỳ, Vị trí của Gò Óc Eo, cảng thị cổ của vương quốc Phù Nam) đăng trên tạp chí *Artibus Asiae* năm 1947 đã chỉ ra những địa điểm khai quật ở Gò Óc Eo, núi Ba Thê và những khu vực phụ cận với trung tâm văn minh Óc Eo. Trong bài viết này, ông đã giới thiệu

các đồ vật được tìm thấy như vòng, đồ trang sức mặt đá chạm (khắc) bằng nhiều chất liệu, có khắc hình và chữ. Một số cổ vật có nguồn gốc từ phương Tây thời kỳ La Mã, hoặc cuối nhà Hán... Từ đó, ông đã có kết luận đáng chú ý rằng: “Những phát hiện tại Gò Óc Eo giúp hình thành một quan niệm chính xác hơn rất nhiều về văn minh Phù Nam và mối quan hệ của nó với nước ngoài, đặc biệt là với khu vực Tây Địa Trung Hải... Những phát hiện tại đây đã thêm một mắt xích vào chuỗi các nhánh buôn hàng hay thị trường giao thương quốc tế...” (Georger Coedes, 1947: 193-199).

Với nhận định này, G. Coedes giúp chúng ta hình dung rõ hơn về vị trí, vai trò của Óc Eo trong quan hệ giao thương quốc tế, đặc biệt là với phương Tây - La Mã, đồng thời đã cho thấy quan hệ văn hóa - lịch sử giữa Óc Eo và Phù Nam.

D.G.E. Hall trong công trình *Lịch sử Đông Nam Á* khẳng định: “Óc Eo là một trung tâm công nghiệp và thương mại; địa điểm Óc Eo có những bằng chứng rõ ràng về những mối quan hệ hàng hải với bờ biển của vịnh Xiêm, Mã Lai, Indonesia, Ấn Độ, vịnh Ba Tư và một cách trực tiếp hoặc gián tiếp với cả Địa Trung Hải. Cảng này nằm tại nơi mà lúc đó đã là con đường biển lớn giữa Trung Quốc và phương Tây” (D.G.E. Hall, 1997: 51)

Cũng đồng tình với quan điểm như vậy, ở nước ta, tác giả Phan Huy Lê nhận định: “Đô thị cảng Ba Thê - Óc Eo sớm trở thành trung tâm mậu dịch quốc tế của Phù Nam và vùng Đông Nam Á lục địa. Trung tâm này không những là nơi giao dịch, mua bán giữa Phù Nam với nước ngoài mà còn là địa điểm dừng chân để lấy nước và mua sắm lương thực, thực phẩm của các con thuyền trên hải trình thương mại quốc tế”

(Phan Huy Lê, 2007: 12). Tác giả Lương Ninh cũng khẳng định: “Óc Eo là cảng thị quốc tế của vương quốc Phù Nam” và “nơi này hẳn là cũng đã có hệ thống tiền tệ Phù Nam” (Lương Ninh, 2011: 39, 43)

Như vậy, có thể khẳng định “lịch sử Phù Nam cùng với di sản văn hóa Óc Eo trên vùng đồng bằng sông Cửu Long là một dòng chảy góp phần tạo thành lịch sử, văn hóa Việt Nam mà dòng chủ lưu là văn hóa Đông Sơn - Văn Lang, Âu Lạc” (Phan Huy Lê, 2007: 14). Dù không đưa ra dẫn chứng, nhưng Malcom Mac Donal có kết luận đáng chú ý rằng: “chủ nhân của văn hóa Phù Nam là tổ tiên của những người dân đồng bằng Nam bộ Việt Nam ngày nay chứ không phải Khơme” (Dẫn theo: Lương Ninh, 1981:37). Khi đó, “nên coi văn hóa Óc Eo là văn hóa của vương quốc hay quốc gia Phù Nam, chứ không nên hiểu là văn hóa Phù Nam khi đã trở thành đế chế, nghĩa là văn hóa của toàn bộ đế chế Phù Nam. Tất nhiên là dưới sự chi phối của Phù Nam, các thuộc quốc của đế chế cũng tiếp nhận những ảnh hưởng và du nhập một số sản phẩm của nước tôn chủ, nghĩa là cũng mang những yếu tố của văn hóa Phù Nam, tức văn hóa Óc Eo” (Phan Huy Lê, 2007: 11).

Có thể nói, cùng với việc phát hiện ra di chỉ Óc Eo, khám phá nền văn hóa Óc Eo - Phù Nam ở vùng châu thổ sông Cửu Long từ sớm, Louis Malleret (1944) đồng thời cũng là người đã đưa ra nhiều nhận định cơ bản, quan trọng hơn cả về di tích và văn hóa Óc Eo - Phù Nam. Công trình nghiên cứu của ông cho đến nay vẫn được đánh giá là nghiên cứu toàn diện, đầy đủ và công phu nhất về văn hóa Óc Eo, khó có nghiên cứu nào có thể vượt qua. Sau này, với những di tích và hiện vật mới được phát hiện, qua nhiều cuộc khai quật khảo cổ sau năm 1975 của các nhà khảo cổ học

Việt Nam, về cơ bản, các nhà nghiên cứu đều thống nhất đánh giá Óc Eo giữ vị trí như một cảng thị, là trung tâm kinh tế-văn hóa quan trọng của vương quốc Phù Nam cũng như ở vùng Đông Nam Á, có quan hệ giao lưu rộng rãi với các nước trên thế giới. Phụ thuộc vào từng giai đoạn lịch sử khác nhau mà Óc Eo cũng được các nhà khoa học xem xét, đánh giá với những vị trí khác nhau.

2. Về hoạt động kinh tế của cư dân Óc Eo

Thông qua các nguồn tư liệu được lưu giữ tại Thư viện Khoa học xã hội, đặc biệt là nguồn tư liệu do người Pháp để lại, có thể thấy cư dân văn hóa Óc Eo đã đạt đến trình độ văn minh khá cao, trong đó nổi bật là nền văn hóa biển và giao lưu, phát triển *thương mại* giúp cho cộng đồng dân cư nơi đây trở nên giàu có.

Từ năm 1942 đến năm 1945, Louis Malleret đã sưu tầm được 1.311 hiện vật vàng, khoảng 1.120 gram, trong đó có 1.062 hạt ngọc và đá quý (L. Malleret, 1963: 3). Trong bài viết “La succession des paysages humains en Cochinchine occidentale” (Di sản, cảnh quan, con người ở miền Tây Nam kỳ) của Pierre Gourou, sau khi đề cập đến đặc điểm về mặt địa lý của Óc Eo và Phù Nam - là khu vực vùng trũng, thường xuyên bị ngập lụt, tác giả cũng cho biết đã thu thập được 12.000 đồ vật, trong đó có nhiều vàng. Những hiện vật này là bằng chứng trực tiếp giúp khẳng định Óc Eo là thương cảng, có mối quan hệ giao lưu rộng rãi với nhiều nước trên thế giới (P. Gourou, 1950: 79-80).

Bên cạnh lĩnh vực thương mại khá phát triển ở Óc Eo - Phù Nam, các nhà nghiên cứu còn cho biết, nhiều kênh đào được xây dựng ở đây, điều đó cho thấy thủy lợi rất phát triển, các công trình này không chỉ nhằm mục đích giao thông mà còn để thoát

nước lúc thủy triều lên và dẫn nước trong mùa khô hạn để tưới tiêu cho đồng ruộng. Một mặt, hệ thống kênh đào thúc đẩy nông nghiệp phát triển, mặt khác, nó còn có vai trò tối ưu nhằm đảm bảo thương mại đường thủy.

Về vấn đề này, Louis Malleret cho biết: “Hệ thống kênh đào có thể bắt đầu được đào từ thế kỷ I TCN., được xây dựng quy mô từ thế kỷ I-III SCN. và mở rộng, kết nối thành một hệ thống hoàn chỉnh trong khoảng thế kỷ IV-VIII SCN.” (L. Malleret, 1959). Trước đó, qua khảo sát bằng máy bay, từ năm 1931 đến năm 1942, Pierre Paris đã khẳng định thêm vấn đề này bằng việc phát hiện 5 con kênh (P. Paris, 1931). Sau này, Louis Malleret cũng khảo sát bằng máy bay và phát hiện thêm 23 con kênh khác. Trong đó, quan trọng nhất và dài nhất, 110km, là con kênh nối Angkor Borei với Óc Eo đến bán đảo Cà Mau.

Dù không phát triển mạnh mẽ như thương mại nhưng *hoạt động nông nghiệp* của cư dân Óc Eo cũng đã được minh chứng là đạt được những kết quả nhất định. Đối với nghề trồng lúa, lần đầu tiên tại Giồng Cát, L. Malleret phát hiện một chiếc nồi gốm cổ, bên trong là những hạt thóc gạo cháy hoàn toàn. Nhưng lúc đó, do mẫu thóc gạo này ở tình trạng không tốt nên ông không chú ý và sau đó đã bị thất lạc. Đến năm 1944, trong lúc tiến hành cuộc khai quật khảo cổ học đầu tiên ở vùng Óc Eo, một lần nữa ông lại phát hiện các hạt thóc gạo lẫn cùng với xương trâu bò ở một trong các giếng ở Óc Eo (Louis Malleret, 1962: 347).

Paul Pelliot đã có những phân tích cụ thể hơn về các hoạt động kinh tế của người dân Phù Nam - Óc Eo với hoạt động buôn bán, nông nghiệp, tiểu thủ công như sau: “Họ có hoạt động nông nghiệp, họ gieo lúa một năm thu hoạch trong ba năm. Ngoài ra, họ thích

chạm khắc đồ trang trí và điêu khắc. Nhiều đồ dùng để phục vụ ăn uống làm bằng bạc. Thué được thanh toán bằng vàng, bạc, ngọc trai, nước hoa” (Paul Pelliot, 1903: 63).

Bên cạnh nghề trồng lúa nước, những vết tích được tìm thấy trong nghiên cứu của L. Malleret còn minh chứng cho việc cư dân Óc Eo đã biết sử dụng, khai thác và đánh bắt hải sản phục vụ cho nhu cầu cuộc sống. Nhiều loại vỏ nhuyễn thể như vỏ ốc, vỏ hào, vỏ ngêu thường được dùng để làm đồ trang sức. Một số đồ trang sức bằng vàng cũng mô phỏng hình con rùa hay một số hiện vật khác được thể hiện dưới dạng con cá ngựa và một số loại cá khác,...

3. Vấn đề xã hội, con người của Óc Eo

Trong số các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học Pháp, P. Pelliot sau khi trích dịch từ Sử ký nhà Tần đã có những mô tả khá chi tiết, cụ thể về các vấn đề xã hội, con người trong văn hóa Phù Nam - Óc Eo như: tính cách của người dân, chữ viết, phong tục tang lễ, hôn lễ,...: “Đàn ông đều xấu xí và đen; tóc của họ xoăn; họ ở trần và đi chân đất. Bản chất của người dân nơi đây đơn giản, và họ không trộm cắp... Họ có sách, có nơi lưu trữ và những thứ khác. Chữ viết của họ giống với chữ của người Ilou. Đám tang và hôn lễ của họ lớn như ở Lâm Ấp (Champa)” (Paul Pelliot, 1903: 63).

Việc xác định thành phần nhân chủng của cư dân Óc Eo - Phù Nam còn là vấn đề khoa học đang đặt ra và các cứ liệu cho đến nay chưa có những minh chứng rõ ràng. Trước đó, L. Malleret đã tìm thấy ở Trăm Phố trong di tích văn hóa Óc Eo di cốt của 7 cá thể (L. Malleret, 1959: 166-167). Theo kết quả nghiên cứu của H. Vallois và do Genet Varcin công bố, trong số đó có 2 hộp sọ nguyên vẹn là sọ người Indonésian (Dẫn theo: Phan Huy Lê, 2007: 12).

Trong khi đó, D.G.E. Hall thì cho rằng: “Người Phù Nam thuộc chủng tộc Mã Lai^(*) vẫn còn ở tình trạng bộ lạc vào buổi bình minh của lịch sử” (D.G.E. Hall, 1997: 51).

Về đời sống xã hội của các cư dân vào thời đại Óc Eo, qua các kết quả khảo cổ học, theo Võ Sĩ Khải, trước hết có thể thấy đó là một xã hội phân chia thành nhiều tầng lớp. Tầng lớp trên gồm các lãnh chúa, đẳng cấp tầng lữ và có thể gồm cả những người giàu có, chủ nhân của các đền đài, lăng tẩm và những ngôi mộ lớn... Tầng lớp dưới gồm những người dân lao động, chia thành từng nhóm ngành nghề, từ những người thợ đồ đá, nung gạch, làm gốm, làm nghề dệt, nghề mộc, đóng thuyền, nghề luyện kim, nấu thủy tinh; những nghệ nhân tạc tượng đá, tượng gỗ, những người thợ kim hoàn, những người săn bắt, nông dân, và có thể cả những người phiêu bạt... (Võ Sĩ Khải, 1985: 29-30).

Theo nhà nghiên cứu Vũ Minh Giang, Phù Nam là một quốc gia có cư dân và truyền thống văn hóa riêng của mình, hình thành và phát triển trên vùng đất có vị trí giao thoa nên có nhiều lớp cư dân đan xen. Do đó, cộng đồng cư dân nước Phù Nam cũng như các quốc gia Đông Nam Á khác đều mang tính đa tộc người. Ngoài các tộc người đã được các nhà khoa học khẳng định thì còn những nhóm tộc người khác cần tiếp tục được khám phá (Vũ Minh Giang, 2008: 21).

4. Vấn đề văn hóa, tôn giáo của Óc Eo

Thông qua các nguồn tư liệu, các nhà khoa học đều thống nhất nhận định rằng khu Óc Eo - Ba Thê là một trung tâm văn hóa, tôn giáo lớn, quan trọng. Trung tâm tôn giáo này có diện tích lớn cùng với hệ thống đường nước cổ dẫn đến các khu vực

(*) Từ chủng tộc được dùng ở đây theo nghĩa rộng nhất.

xung quanh, nhiều kiến trúc đền xây bằng đá, gạch hay sự kết hợp giữa đá và gạch, kiến trúc nhẹ, dựng bằng gỗ có kích thước lớn, nhiều tượng thờ, hình vật thờ, nhiều di vật đẹp và quý hiếm (Đặng Văn Thắng, Hà Thị Sương, 2013).

Văn hóa Óc Eo ở khu vực Óc Eo - Ba Thê nói riêng và ở vùng đồng bằng châu thổ sông Cửu Long nói chung không những là nền văn hóa có cơ tầng bản địa mà còn là nền văn hóa chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh Ấn Độ. Với các dấu tích đền, bia ký, tượng phật, tượng thần Brahma, Vishnu, Shiva, linh vật thờ linga, linga-yoni,... đã được tìm thấy trong hầu hết các di tích khu vực Óc Eo - Ba Thê đã cho thấy điều này.

Đền thần Mặt Trời Gò Cây Thị được L. Malleret khai quật lần đầu tiên từ ngày 10/2-19/4/1944, được mô tả: vào thời kỳ đó, Gò Cây Thị thể hiện như một cái ụ cao gần 3m, trên đó có mọc hai cây cổ thụ. Trước khi tiến hành khai quật, trên bề mặt di tích có nhiều gạch vụn. Sau khi khai quật, L. Malleret đã mô tả cấu tạo của kiến trúc Gò Cây Thị (kiến trúc A) trên bình đồ chung quy mô 25 m x 22 m, cao gần 4 m và bao gồm 2 bộ phận: một tiền điện và một chính điện nối với nhau bằng một phần tiếp liệu. Trong cuộc khai quật này, L. Malleret đã thực hiện 4 bản vẽ và 6 bức ảnh về bình đồ kiến trúc, với mặt cắt địa tầng của 3 hố và 2 “giếng” trong phần Chính điện (L. Malleret, 1969)

Linga hiện thực được tìm thấy ở Đền Cây Trôm, cao 1,73 m, thuộc loại lớn nhất được tìm thấy ở đồng bằng sông Cửu Long. Linga hiện thực này được làm bằng đá và được coi là rất cổ, có niên đại được xác định vào thế kỷ I SCN.. Linga hiện thực được thờ trong ngôi đền trung tâm - nơi thờ thần Shiva ở Chennittalai thuộc làng Travancore ở miền

Nam Ấn Độ. Như vậy, nhiều khả năng Linga hiện thực này là biểu tượng của thần Shiva ở Đền Cây Trôm ngay từ khi mới xây dựng đền (L. Malleret, 1959: 380-381).

Thông qua các hoạt động điền dã, L. Malleret đã hệ thống hóa và phân tích rất công phu các văn bia được biên dịch, các tác phẩm điêu khắc tôn giáo được tiếp cận dưới góc độ văn hóa, nghệ thuật, đặc biệt nêu lên những phát hiện hàng loạt cổ vật như tượng thần Vishnu ngồi trên Garuda, tượng thần Brahma với vẻ đẹp hấp dẫn, tượng thần Surya liên quan đến tín ngưỡng Vệ Đà, cũng như nhiều loại tượng Phật, đồng thời còn đề cập đến những bia đá có khắc minh văn cổ (L. Malleret, 1959: 371-412). Đây đều là những bằng chứng rất rõ ràng để có thể khẳng định ở vùng núi Ba Thê đã tồn tại một trung tâm Bà la môn giáo.

5. Kết luận

Như vậy, qua nguồn tư liệu được lưu giữ tại Thư viện Khoa học xã hội, đặc biệt là kho tư liệu EFEO, chúng ta đã xác định được Óc Eo là một đô thị - cảng cổ nằm trên con đường thương mại Đông - Tây và có mối quan hệ giao lưu thương mại rất rộng. Các nghiên cứu đều đã làm rõ được yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội, tôn giáo của vùng đất này một cách tương đối toàn diện và đầy đủ. Hy vọng rằng kho tư liệu quý này tại Thư viện sẽ được các nhà khoa học ngày càng quan tâm và nghiên cứu sâu sắc, đầy đủ hơn nữa nhằm đem lại những hiểu biết toàn diện và khách quan hơn về văn hóa Óc Eo □

Tài liệu tham khảo

1. E. Aymonier (1904), *Le Cambodge*, T.3, Ernest Leroux, Paris.
2. G. Coedès (1937), “A New Inscription from Fu-Nan”, Reprinted from *Journal of the Greater India Society, Calcutta*, Vol 4, No 2.

3. G. Coedès (1938), *Les civilisations de l'Indochine*, Taupin & Cie, Hà Nội.
4. G. Coedès (1943), XXXVI, “Quelques précisions sur la fin du Fou-nan”, *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, Tome 43, p. 1-8.
5. G. Coedès (1947), “Fouilles en Cochinchine, Le site de Go Oc Eo, ancien port du Royaume de Fou-nan”, *Artibus Asiae*, Vol.10/1, p. 193 - 199.
6. G. Coedès (1948), “Histoire du Monde”, T. 8: *Les états Hindouisés d'Indochine et d'Indonésie*, P. E. De Boccard.
7. Vũ Minh Giang (Chủ biên, 2008), *Lược sử vùng đất Nam bộ Việt Nam*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
8. Pierre Gourou (1950), “La succession des paysages humains en Cochinchine occidentale”, *Annales de Géographie*, T. 59, No 313.
9. Bernard Philippe Groslier (1961), *Indochine. Carrefour des arts*, Albin Michel, Paris.
10. D.G.E. Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á (sách tham khảo)*, Bùi Thanh Sơn, Nguyễn Thái Yên Hương, Hoàng Anh Tuấn dịch, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Võ Sĩ Khải (1985), “Nghiên cứu văn hóa khảo cổ Óc Eo: Mười năm nhìn lại” *Khảo cổ học* (04), tr. 13-32.
12. Phan Huy Lê (2007), “Qua di tích văn hóa Óc Eo và thư tịch cổ thử nhận diện nước Phù Nam”, *Nghiên cứu lịch sử* (11), tr. 3-14; 39.
13. Louis Malleret (1944), “Les fouilles d'Óc-eo”, *Rapport préliminaire*, Imp. F.-H Schneider, p. 75-88.
14. Louis Malleret (1959), “L' Archéologie du Delta du Mékong”, Tome 1: *L'Exploration archéologique et les fouilles d'Óc-Eo*, EFEO, Paris.
15. Louis Malleret (1960), “L' archéologie du delta du Mékong”: T.2: *La civilisation matérielle d'OC-EO*, Text, EFEO, Paris.
16. Louis Malleret (1962), “L' Archéologie du Delta du Mékong”, Tome 3 *La culture du Fou - Nan*; Texte; EFEO, Paris, p. 3.
17. Louis Malleret (1963), “L' archéologie du delta du Mékong”, T.4: *Le Cisbassac. Texte avec index et Planches*, EFEO, Paris.
18. Louis Malleret (1969), *Khảo cổ học đồng bằng sông Cửu Long*, tập 1, Bản dịch của Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.
19. Lương Ninh (1981), “Nước Chí Tôn - một quốc gia cổ ở miền tây sông Hậu”, *Khảo cổ học* (1), tr. 36-48.
20. Lương Ninh (2011), “Óc Eo - cảng thị quốc tế của vương quốc Phù Nam”, *Khảo cổ học* (3), tr. 39-44.
21. Pierre Paris (1931), “Anciens canaux reconnus sur photographies aériennes dans les provinces de Ta Kèv et de Châu-doc”, *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, Tome 31.
22. Paul Pelliot (1903), “Le Fou-nan”, *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, Tome 3.
23. Đặng Văn Thắng, Hà Thị Sương (2013), “Trung tâm tôn giáo Óc Eo - Ba Thê (An Giang), *Khảo cổ học* (01), tr. 35-59.